

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KẾ SÁCH
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **88/2021/HNGĐ-ST**
Ngày 17 tháng 9 năm 2021
V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KẾ SÁCH, TỈNH SÓC TRĂNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Diệu
Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Thiều Hoàng Mới
Bà Tăng Thị Bạch Vân

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Hạnh, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách tham gia phiên tòa: Không.

Ngày 17 tháng 9 năm 2021 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án “Tranh chấp hôn nhân và gia đình” thụ lý số 228/2021/TLST-HNGĐ, ngày 11 tháng 5 năm 2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 212/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 7 năm 2021, các Thông báo về việc thay đổi thời gian mở phiên tòa do ảnh hưởng của dịch bệnh Covid-19 và Quyết định hoãn phiên tòa số 211/2021/QĐST-HNGĐ, ngày 01 tháng 9 năm 2021, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Trần Thị Mỹ T, địa chỉ: XX, Ấp Y, xã B, huyện K, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt)

Bị đơn: Phan Sĩ H, địa chỉ: XX, Ấp Y, xã B, huyện K, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN :

Trong đơn khởi kiện ngày 07 tháng 5 năm 2021 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Trần Thị Mỹ T trình bày: Giữa nguyên đơn với bị đơn là ông Phan Sĩ H kết hôn với nhau trên tinh thần tự nguyện từ năm 1994, sau đó đi đăng ký kết hôn tại UBND xã B theo giấy chứng nhận kết hôn cấp ngày 12 tháng 4 năm 2000. Vợ chồng có 03 người con chung là Phan Lạc Anh T1 sinh năm 1996, Phan Văn K sinh năm 1999 và Phan Thanh T2 sinh năm 2002. Sau khi kết hôn vợ chồng có thời gian dài chung sống hạnh phúc, đến đầu năm 2011 bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm nên thường xuyên cãi và nhau, cuộc sống chung không còn hạnh phúc và đã ly thân nhau đến nay. Nay bà T yêu cầu ly hôn ông H; đối với các con chung (03 cháu) đều đã trên tuổi thành

niên và tự lập được cuộc sống nên không yêu cầu giải quyết; về tài sản chung và nợ, bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn là ông Phan Sĩ H, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng cho ông H nhưng ông H không có ý kiến trả lời, cũng không đến Tòa án để cung cấp lời khai và tham gia các phiên hòa giải.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN :

[1] Tại phiên tòa, bà Trần Thị Mỹ T là nguyên đơn vắng mặt nhưng có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, ông Phan Sĩ H là bị đơn mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham dự phiên tòa đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án, theo quy định tại Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà T và ông H xác lập quan hệ vợ chồng có đăng ký kết hôn theo đúng quy định của pháp luật, nên hôn nhân của ông bà là hợp pháp. Trong quá trình chung sống, bà T nhận thấy vợ chồng có nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi vã và đã sống ly thân thời gian dài, không thể hàn gắn cuộc sống vợ chồng, nên bà T yêu cầu ly hôn ông H. Riêng về phía ông H, Tòa án đã triệu tập tham dự các phiên hòa giải ông đều vắng mặt, điều này cho thấy Tòa án đã tạo điều kiện thuận lợi để vợ chồng có cơ hội hàn gắn, đoàn tụ, nhưng ông H tỏ ra không quan tâm đến, không có thiện chí hợp tác. Hội đồng xét xử thấy rằng, quan hệ hôn nhân phải được xây dựng trên cơ sở tự nguyện của hai bên, nay bà T kiên quyết yêu cầu ly hôn, ông H thì không có thiện chí hợp tác để hàn gắn. Xét thấy mục đích hôn nhân của ông bà không đạt được, cuộc sống chung không thể kéo dài nên Hội đồng xét xử cần áp dụng Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà T.

[3] Về con chung: Bà T và ông H có 03 người con chung nhưng tất cả đều đã trên tuổi thành niên và tự lập được cuộc sống nên Tòa án không xem xét.

[4] Về tài sản chung và nợ: Bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết, ông H không có yêu cầu phản tố, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét..

[5] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[6] Về quyền kháng cáo của đương sự được thực hiện theo quy định tại các Điều 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH :

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 147, 228, 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án,

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn trong vụ án ly hôn và được giải quyết như sau:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Bà Trần Thị Mỹ T được ly hôn ông Phan Sĩ H.
- *Về con chung:* Các cháu Phan Lạc Anh T1, Phan Văn K và Phan Thanh T2 đều đã trưởng thành và tự lập được cuộc sống nên Tòa án không xem xét.
- *Về tài sản chung và nợ:* Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

2. Về án phí: Bà Trần Thị Mỹ T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn là 300.000 đồng, được khấu trừ hết vào số tiền tạm ứng án phí bà T đã nộp 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009863, ngày 11/5/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện K, tỉnh Sóc Trăng.

3. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện Kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách;
- Chi cục THA dân sự huyện K;
- Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng (để BC);
- UBND xã B, huyện K-ST;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Diệu